

1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (24 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (TN1) 0,25			1 (TL5) 0,75	1 (TN12) 0,25				30
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN2) 0,25	1 (TL1) 0,5					1 (TL11) 1		
2	Số nguyên (20 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	1 (TN3) 0,25	1 (TL2) 0,5	1 (TN9) 0,25						35
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	1 (TN4) 0,25	1 (TL3) 0,5	1 (TN10) 0,25	1 (TL6) 0,5		1 (TL9) 1			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN5) 0,25								17,5
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN6) 0,25			1 (TL7) 0,5		1 (TL10) 0,75			
4	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	2 (TN7,8) 0,5								17,5
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.		1 (TL4) 0,5	1 (TN11) 0,25	1 (TL8) 0,5					
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0	4 2,0	3 0,75	4 2,25	1 0,25	2 1,75		1 1,0	10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

Tổng số tiết : 64 tiết

1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	Số tự nhiên.	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	1TN (TN1)			
			– Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.				
		Các phép tính với số tự nhiên.	Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.				
			–Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.		1TL (TL5)		
		Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp,phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.				
			– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ:tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).			1TN (TN12)	

		Tính chia hết trong tập	<i>Nhận biết :</i>	1TN (TN2)			
--	--	----------------------------	---------------------------	-----------	--	--	--

		hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	– Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.				
			– Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản.	1TL (TL1)			
			Vận dụng: – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.				
			Vận dụng cao: – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên.				1TL (TL11)
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết: – Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.				
			– Nhận biết được số đối của một số nguyên.	1TN (TN3)			
			– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên.	1TL(TL2)			
			– Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn				
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số nguyên trên trục số.		1TN (TN9)		
			– So sánh được hai số nguyên cho trước.				
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.	1TN (TN4) 1TL(TL3)			
			Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.		1TN (TN10) 1TL (TL6)		
			Vận dụng:			1TL (TL9)	

			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).				
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1TN (TN5)			
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	Nhận biết – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1TN (TN6)			
			Thông hiểu: – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).		1TL (TL7)		
			Vận dụng : – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.			1TL (TL10)	
MỘT SỐ YẾU TỐ THÔNG KÊ VÀ XÁC SUẤT							

4	Một số yếu tố thống kê	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	<i>Nhận biết:</i> – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.	2TN (TN7,8)			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	<i>Thông hiểu:</i> – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).	1TL (TL4)	1TN (TN11) 1TL (TL8)		

ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Năm học: 2022 – 2023

Môn: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

(Đề kiểm tra gồm 03 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Học sinh kẻ bảng sau và ghi đáp án vào giấy bài làm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án												

Hãy chọn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 6 là

- A. $\{1; 2; 3; 4\}$. B. $\{0; 1; 2; 3; 4\}$. C. $\{1; 2; 3; 4; 5\}$ D. $\{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$.

Câu 2. Trong các số 323; 7421; 246; 7853. Số chia hết cho 3 là

- A. 323. B. 7421. C. 246. D. 7853.

Câu 3. Số đối của 7 là:

- A. 8. B. 7. C. -7. D. 6.

Câu 4. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 3 là:

- A. $U(3) = \{1; 3\}$ B. $U(3) = \{-3; -1; 0\}$. C. $U(3) = \{-1; -3\}$. D. $U(3) = \{-3; -1; 1; 3\}$.

Câu 5. Cho hình vẽ:



Hình trên gồm các hình nào sau đây?

- A. Hình thang cân, hình lục giác đều.
B. Hình bình hành, hình tam giác đều.
C. Hình thang cân, hình thoi, hình tam giác đều, hình lục giác đều.
D. Hình thang cân, hình tam giác đều.

Câu 6. Cho tam giác đều ABC với $AB = 15$ cm. Độ dài cạnh BC là

- A. 15 cm. B. 7,5 cm. C. 30 cm. D. 5 cm.

Câu 7. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

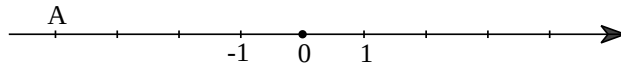
Số học sinh đạt điểm Giỏi (điểm 9) là:

- A. 1. B. 6. C. 19. D. 7

Câu 8. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

- A. Số học sinh tham quan chuyến đi thực tế của các lớp khối 6.
 B. Số máy cày của 5 xã ở huyện Tân Hiệp.
 C. Thân nhiệt (độ C) của bạn An trong cùng khung giờ 7h sáng của các ngày trong tuần.
 D. Phương tiện đến trường của các bạn trong lớp 6A.

Câu 9. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



- A. -3. B. 3. C. -4. D. -5.

Câu 10. Giá trị của biểu thức $(-37).52 + 48.(-37)$ là:

- A. 100. B. - 3 700. C. 3 700. D. 148.

Câu 11. Dữ liệu số xe bán được của các năm từ năm 2016 đến năm 2020 được cho ở bảng sau đây:

Năm	Số xe bán được
2016	3
2017	5
2018	6
2019	9
2020	4

 10 xe;  5 xe

Tổng số xe bán được từ năm 2016 đến năm 2020 là:

- A. 27. B. 72. C. 270. D. 27,5.

Câu 12. Bạn An đi nhà sách mua 3 cây bút bi cùng loại và 6 quyển tập cùng loại. Biết giá tiền một quyển tập là 10 000 đồng. Bạn đưa chị thu ngân tờ 200 000 đồng và được chị trả lại 125 000 đồng. Hỏi giá tiền của 1 cây bút bi mà bạn An đã mua là bao nhiêu?

- A. 500 đồng. B. 5 000 đồng C. 15 000 đồng. D. 65 000 đồng.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,5 điểm)

- a) Liệt kê các số tự nhiên chia hết cho 3 nhỏ hơn 15.
 b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -9; 0; 12; -12; 10.
 c) Viết tập hợp B các số tự nhiên là bội của 6.
 d) Tính giá trị biểu thức $A = 100 : \{150 : [150 - (4.5^3 - 2^3.25)]\}$

Câu 2: (2,25 điểm)

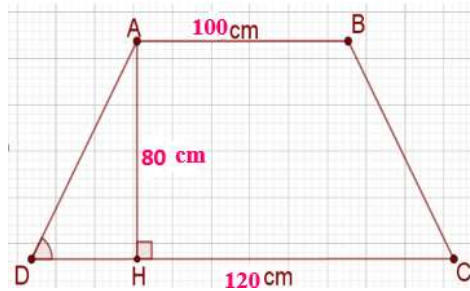
- a) Tính giá trị biểu thức: $B = 2022^{36} \cdot 2022^{24} : 2022^{60}$
 b) Tìm x biết, $x - 15 = 6 \cdot (-5)$

c) Số học sinh khối 6 của trường A trong khoảng từ 400 đến 500 học sinh. Biết rằng nếu số học sinh đó xếp hàng 5, hàng 8, hàng 12 đều thiếu 1 học sinh. Tính số học sinh khối 6 của trường..

Câu 3: (1,25 điểm) Một mặt bàn làm việc được lắp ghép từ 6 mảnh bàn làm từ đá hoa cương dạng hình thang cân có kích thước như nhau. Biết mỗi mảnh bàn hình thang cân đều có độ dài hai cạnh đáy là 100 cm và 120 cm, chiều cao của nó là 80 cm (như hình bên dưới).

a) Em hãy tính diện tích 1 mảnh bàn hình thang cân.

b) Theo đơn vị thi công báo giá mặt bàn là 10000 đồng /dm². Tính tổng số tiền để làm mặt bàn trên.



Câu 4: (1,0 điểm) Biểu đồ dưới đây nói về sản lượng cá ngừ đánh bắt được ở 4 Thôn Xuân Phương, Xuân Thọ, Xuân Lộc, Xuân Cảnh trong năm 2011.

Nhìn biểu đồ, em hãy cho biết:

- Thôn nào đánh bắt được nhiều cá ngừ nhất?
- Thôn Xuân Cảnh đánh bắt nhiều hơn Thôn Xuân Phương bao nhiêu tấn cá ngừ?



Hết

Học sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh :SBD:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG THCS HOÀNG VĂN THỤ

HƯỚNG DẪN

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Năm học: 2022 – 2023

Môn: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	C	C	D	C	A	B	D	C	B	C	B

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (2,5 điểm)	a) Liệt kê các số tự nhiên chia hết cho 3 nhỏ hơn 15. Các số chia hết cho 3 nhỏ hơn 15 là: 0;3;6;9;12	Đúng 3 số :0,25 đ Đúng 5 số: 0,5 đ
	b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -9; 0; 12; -12; 10. Sắp xếp theo thứ tự giảm dần là: 12;10;0;-9;-12	Đúng 3 số :0,25 đ Đúng 5 số: 0,5 đ
	c) Viết tập hợp B các số tự nhiên là bội của 6 $B = \{0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; \dots\}$	0,5
	d) Tính giá trị biểu thức $A = 100 : \{150 : [150 - (4.5^3 - 2^3.25)]\}$ $A = 100 : \{150 : [150 - (4.125 - 8.25)]\}$ $A = 100 : \{150 : [150 - (500 - 200)]\}$ $A = 100 : \{150 : [150 - 300]\}$ $A = 100 : \{150 : (-150)\}$ $A = 100 : (-1)$ $A = -100$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 2 (2,25 điểm)	a) Tính giá trị biểu thức: a. $2022^{36} \cdot 2022^{24} : 2022^{60}$ $= 2022^{60} : 2022^{60}$ $= 2022^0$ $= 1$ (HS ghi ngay =1, chấm 0,5)	0,25x3
	b) Tìm x biết , $x - 15 = 6 \cdot (-5)$ $x - 15 = -30$ $x = -30 + 15$	0,25

	$x = -15$	0,25
	c) Số học sinh khối 6 của một trường khoảng gần 500 học sinh. Biết rằng nếu xếp hàng 5, hàng 8, hàng 12 đều thiếu 1 học sinh. Tính số học sinh khối 6. Giải Gọi a là số học sinh khối 6 cần tìm ($a \in N^*$, học sinh) Theo đề bài ta có: $(a+1):5; (a+1):8; (a+1):12 \Rightarrow (a+1) \in BC(5;8;12)$ và $400 < a < 500 \Rightarrow 401 < a+1 < 501$ $5 = 5$ $8 = 2^3$ $12 = 2^2 \cdot 3$ $BCNN(5;8;12) = 2^3 \cdot 3 \cdot 5 = 120$ $BC(5;8;12) = B(120) = \{0; 120; 240; 360; 480; 600; \dots\}$ Vì $401 < a+1 < 501 \Rightarrow a+1 = 480$ $a = 480 - 1 = 479$ Vậy số học sinh khối 6 là 479 học sinh.	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 3 (1,25 điểm)	a) Em hãy tính diện tích 1 mảnh bàn hình thang cân. Diện tích một mảnh bàn hình thang là : $\frac{(100+120) \cdot 80}{2} = 8800 (cm^2)$	0,5
	b) Theo đơn vị thi công báo giá mặt bàn là 10000 đồng /dm². Tính tổng số tiền để làm mặt bàn trên Diện tích bàn làm việc là : $8800 \cdot 6 = 52800 (cm^2)$ Đổi $52800 cm^2 = 528 dm^2$ Số tiền để làm mặt bàn trên là: $10000 \cdot 528 = 5280000$ (đồng)	0,25 0,25
Câu 4 (1,0 điểm)	a) Thôn nào đánh bắt được nhiều cá ngừ nhất? Thôn Xuân Cảnh đánh bắt được nhiều cá ngừ nhất	0,5
	b) Thôn Xuân Cảnh đánh bắt nhiều hơn Thôn Xuân Phương bao nhiêu tấn cá ngừ? Số tấn cá ngừ đánh bắt nhiều hơn là: $140 - 100 = 40$ (tấn)	0,5